TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 9 - 2017
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Nguyễn Bá Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Tổ H, thị trấn BS, huyện KB, tỉnh HN. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Chu Văn C, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ B, thị trấn Q, huyện KB, tỉnh HN. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị và anh Chu Văn C lấy nhau trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 01 tháng 6 năm 1999. Sau ngày cưới, vợ chồng cùng nhau chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở tổ B, thị trấn Q, huyện KB, tỉnh HN được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời dẫn đến mắc nghiện ma túy. Khi phát hiện, chị và gia đình có khuyên anh C từ bỏ ma túy, nhưng anh C không nghe mà ngày càng sử dụng nhiều hơn, vì lý do đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Tuy nhiên chị vẫn cố chịu đựng để nuôi dạy con chung, song càng chịu đựng thì

anh C lại càng chửi mắng, đánh đập chị nhiều hơn, nên khoảng giữa năm 2016, chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tổ H, thị trấn BS, huyện KB, tỉnh HN để ở nhờ, từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống cũng như tình cảm của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn C.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 21 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn là anh Chu Văn C xác nhận và trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị H đã trình bày. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị H khai là không đúng hoàn toàn, mà nguyên nhân chính là do chị H đã ngoại tình khi anh đi chấp hành án phạt tù, đến khi anh mãn hạn tù về một thời gian ngắn thì chị H đã tự ý bỏ anh và các con đi theo người đàn ông khác từ ngày 16/6/2016 cho đến nay. Từ khi chị H bỏ đi không một lần về thăm bố con anh, con anh bị ốm anh có điện thoại để báo tin cho chị H, nhưng chị H không nghe, anh có nhờ người nhắn tin chị H cũng không về. Nay anh xác định tình cảm giữa vợ chồng tuy không còn, nhưng vì con anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để trở về cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con cái: Chị H và anh C thống nhất xác nhận, vợ chồng không có con riêng mà chỉ có 03 con chung là cháu Chu Huyền M, sinh ngày 25/9/2000; Chu Thị Hiền M, sinh ngày 07/7/2003 và Chu Thanh Ng, sinh ngày 08/12/2012; hiện các cháu đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị H mong muốn được nuôi cả 03 con chung, nhưng nếu anh C có nguyện vọng được cả 03 con chung thì chị hoàn toàn đồng ý và chị xin được cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C theo quy định của pháp luật. Anh C xin đoàn tụ, nên không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình; vợ chồng không được địa phương giao chung đất ruộng cấy. Do vậy khi ly hôn, cả hai không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Chu Văn C giữ nguyên ý kiến xin được đoàn tụ, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn, thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; ngoài ra anh C đề nghị Tòa án không được giao con cho chị H nuôi dưỡng, vì anh xác định chị H không đủ tư cách để nuôi dạy các con anh, với lý do từ khi chị H bỏ đi không hề quan tâm hỏi han gì đến con chung, các con vào nhà ông bà ngoại thăm mẹ, nhưng chị H cũng không cho các cháu gặp mà còn bị ông bà ngoại đuổi về. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đề nghị của chị H. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Chu Văn C. Giao cháu Chu Huyền M, sinh ngày 25/9/2000 và Chu Thị Hiền M, sinh ngày 07/7/2003 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Chu Thanh Ng, sinh ngày 08/12/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Mĩ cho anh C mỗi tháng 500.000đồng, kể từ nay cho đến khi cháu Chu Thị Hiền M đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp nguyên đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Chu văn C lấy nhau trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 01 tháng 6 năm 1999. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do anh C ham chơi dẫn đến vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, khi chị H góp ý, thì giữa hai bên lại xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau, bên cạnh đó anh C lại nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính, nên anh C đã chửi mắng đánh đập chị H, khiến chị H phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn BS, huyện KB để ở nhờ. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh C đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 16/6/2016, việc chị H xin ly hôn anh C là có căn cứ. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng lại xin đoàn tụ với lý do để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung, song anh C không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thiết nghĩ đây chỉ là cái cớ để anh C gây khó khăn, cản trở cho chị H trong quá trình giải quyết vụ án, Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con cái: Xác định chị H và anh C 03 con chung là cháu Chu Huyền M, sinh ngày 25/9/2000; Chu Thị Hiền M, sinh ngày 07/7/2003 và Chu Thanh Ng, sinh ngày 08/12/2012; hiện các cháu đang ở với anh C. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về việc giao con cho các đương sự như trình bày ở trên là có cơ sở. Tuy nhiên xét yêu cầu của chị H được thể hiện trong biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì chị H nhất trí giao cả 03 con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, với lý do hiện nay chị không có chỗ ở, đang phải đi ở nhờ, công việc

làm thuê theo mùa vụ, thu nhập không ổn định, không đảm bảo được cuộc sống cho các con. Bên cạnh đó kể từ khi chị H bỏ đi, các cháu vẫn được anh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ, phát triển tốt. Do đó để tránh sự sáo trộn không cần thiết, nhằm đảm bảo cuộc sống, điều kiện học tập của các cháu về trước mắt cũng như lâu dài, cần tiếp tục giao cả 03 cháu cho anh C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị H tự nguyện xin được cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng không đưa ra được mức cấp dưỡng cụ thể, nên cần buộc chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho anh C, nhằm đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

[3] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình; không được địa phương giao chung đất ruộng cấy nông nghiệp, nay các đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, nên chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối với án phí về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng, nên người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Chu Văn C.

2. Về con chung: Giao các cháu Chu Huyền M, sinh ngày 25/9/2000, Chu Thị Hiền M, sinh ngày 07/7/2003 và Chu Thanh Ng, sinh ngày 08/12/2012 cho anh Chu Văn C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C mỗi tháng 650.000đồng/01cháu, kể từ tháng 11/2017 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001183

ngày 22/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, chị H còn phải nộp tiếp 300.000đồng án phí. Anh C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh